

Số: 446 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực kiểm lâm, lâm nghiệp, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3652a/QĐ-BNN-KL ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3670a/QĐ-BNN-LN ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 4626/QĐ-BNN-LN ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 4768/QĐ-BNN-CCPT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 638/TTr-SNN ngày 24 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết 08 thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực kiểm lâm, lâm nghiệp, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh công bố danh mục tại Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2024, Quyết định số 2139/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024, Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 và Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong đó:

- Thủ tục hành chính ban hành mới: 02 thủ tục hành chính
- + Cấp tỉnh: 01 thủ tục hành chính.
- + Cấp huyện: 01 thủ tục hành chính.
- Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: 06 thủ tục hành chính
- + Cấp tỉnh: 05 thủ tục hành chính.
- + Cấp huyện: 01 thủ tục hành chính.

(Nội dung quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được công bố bằng file điện tử đính kèm theo Quyết định này trên hệ thống eGov).

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính gắn với mã thủ tục hành chính lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. Đồng thời, lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính.

2. Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định các quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực kiểm lâm, lâm nghiệp, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật mã thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. Thông báo cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để làm cơ sở trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này. Đồng thời, kiểm soát chất lượng và nhập dữ liệu quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được công bố kèm theo Quyết định này lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính tương ứng với các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã công bố danh mục các thủ tục hành chính này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính tương ứng tại Quyết định số 2665/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố, công khai quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục và quy trình nội bộ thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản, Thú y, Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm niêm yết công khai đầy đủ, kịp thời các quy trình nội bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện. Thay thế các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cũ đã hết hiệu lực thi hành hoặc bị hư hỏng; đồng thời, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính này cho cá nhân, tổ chức đúng nội dung công bố tại Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- P.KSTT, TT.PVHC, TT.CB-TH;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

(Hg)

4

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Thanh

Phụ lục
DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH TÂY NINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 446 /QĐ-UBND ngày 28 / 02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)



PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI CẤP TỈNH: 01 thủ tục.

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức dịch vụ công trực tuyến	Căn cứ pháp lý
1	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	1.012921.000.00.00.H53	Lâm nghiệp	30 ngày	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm. - Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh.	Không	DVCTT một phần	Điều 4, điểm a. khoản 1; Điều 7, khoản 1, 3; Điều 8, Điều 9, Điều 10, Nghị định số 140/2024/NĐ-CP, ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định thanh lý rừng trồng.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH: 05 thủ tục.

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức dịch vụ công trực tuyến	Căn cứ pháp lý
1	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	3.000159.000.00.00.H53	Kiểm lâm	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không	DVCTT một phần	Điều 8, Điều 9 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP; khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 1 và

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức dịch vụ công trực tuyến	Căn cứ pháp lý
				được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan Kiểm lâm sở tại quyết định tăng thời hạn kiểm tra (khi có thông tin vi phạm): 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Cơ quan thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm.			khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị định số 120/2024/NĐ-CP.
2	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	3.000160.000.00.00.H53	Kiểm lâm	- Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp phải kiểm tra, xác minh: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm.	Không	DVCTT một phần	Chương III Nghị định số 102/2020/NĐ-CP; khoản 12, khoản 13, khoản 14, khoản 15, khoản 16, khoản 17, khoản 18 Điều 1 và khoản 8 Điều 2 Nghị định số 120/2024/NĐ-CP
3	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	1.007917.000.00.00.H53	Lâm nghiệp	Phê duyệt phương án: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa); Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	Không	DVCTT một phần	- Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Điều 2 Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 của Bộ Nông

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức dịch vụ công trực tuyến	Căn cứ pháp lý
				hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa).				ngành và Phát triển nông thôn
4	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	1.007916. 000.00.00.H53	Lâm nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn: 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn: <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 57 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. + Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 37 ngày 	<ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm. - Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh. 	Không	DVCTT một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Điều 2 Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức dịch vụ công trực tuyến	Căn cứ pháp lý
				kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế; 42 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế.				
5	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	2.001827.000.00.00.H53	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	15 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực 	Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm	DVCTT một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội. - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức dịch vụ công trực tuyến	Căn cứ pháp lý
					vật/Chỉ cục Chăn nuôi và Thú y	nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/cơ sở		<p>thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p> <p>- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức dịch vụ công trực tuyến	Căn cứ pháp lý
								thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phụ lục
DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH TÂY NINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 446 /QĐ-UBND ngày 28 / 02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI CẤP HUYỆN: 01 thủ tục.

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức dịch vụ công trực tuyến	Căn cứ pháp lý
1	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	1.012922.000.00.00.H53	Lâm nghiệp	05 ngày	<ul style="list-style-type: none">- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện.- Cơ quan thực hiện TTHC: cơ quan chuyên môn cấp huyện.	Không	DVCTT một phần	Điều 4, điểm a, khoản 1; Điều 7, khoản 1, 3; Điều 8, Điều 9, Điều 10, Nghị định số 140/2024/NĐ-CP, ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định thanh lý rừng trồng

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP HUYỆN: 01 thủ tục

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức dịch vụ công trực tuyến	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản ¹	2.001827.000.00.00.H53	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	15 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện. - Cơ quan thực hiện TTHC: UBND cấp huyện 	Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/cơ sở	DVCTT một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội. - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý

¹ TTHC này được UBND tỉnh phân cấp cho UBND cấp huyện tại Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 của UBND tỉnh phân cấp quản lý nhà nước đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Lĩnh vực	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức dịch vụ công trực tuyến	Căn cứ pháp lý
								<p>chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>